



**TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel : (84-24) 2.2157278/6.3285045 Fax : (84-24) 3.6321409/3.8622867  
Web: <http://www.viendetmay.org.vn> Email: [giamdinhdetmay@gmail.com](mailto:giamdinhdetmay@gmail.com)

**CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM  
Tel: (84-28) 3.9201396 Fax: (84-28) 3.9202215  
Web: <http://www.phanviendetmay.org.vn> Email: [phanviendetmay1@gmail.com](mailto:phanviendetmay1@gmail.com)

---

# **QUY ĐỊNH ĐỊNH CHUNG VỀ DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CN-QĐ01 (Ban hành lần 2)**

## **PHẦN I - QUI ĐỊNH CHUNG**

### **1.1. Mục đích**

1.1.1. Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản phù hợp với yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17065: 2013 mà Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May (VTRI-IC) áp dụng trong quá trình đánh giá chứng nhận các sản phẩm phù hợp với các Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật.

1.1.2. Tài liệu này được cung cấp cho các tổ chức/doanh nghiệp là khách hàng của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May về dịch vụ chứng nhận chất lượng sản phẩm.

### **1.2. Phạm vi áp dụng**

1.2.1. Mọi tổ chức /doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận trong Quy định này đều có thể đăng ký đánh giá cấp chứng nhận.

1.2.2. Đối tượng áp dụng:

- Các sản phẩm/lô hàng dệt may bao gồm xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc và các sản phẩm dệt may hoàn thiện khác.

- Các sản phẩm/lô hàng giấy tissue, giấy tissue dạng cuộn lớn, khăn giấy, giấy vệ sinh

- Các sản phẩm tiêu dùng khác.

### **1.3. Thuật ngữ, định nghĩa**

1.3.1. Chứng nhận: Sự đánh giá xác nhận của Trung tâm Giám định, Chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May đối với sản phẩm của khách hàng phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật hoặc các quy định pháp quy tương ứng;

1.3.2. Tiêu chuẩn về sản phẩm: Các tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn hiệp hội được thừa nhận về chất lượng sản phẩm ;

1.3.3. Quy chuẩn kỹ thuật dùng cho chứng nhận sản phẩm: Các quy chuẩn quốc tế, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng sản phẩm ;

1.3.4. Chuyên gia đánh giá (CGĐG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá;

1.3.5. Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá.

1.3.6. Khách hàng: Tổ chức/doanh nghiệp đề nghị Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm chứng nhận sản phẩm của họ phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn/quy định pháp quy.

### **1.4. Chuẩn mực chứng nhận**

1.4.1. Trung tâm Giám định, Chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, các quy định pháp quy về chất lượng sản phẩm, các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), các tiêu chuẩn quốc tế (ISO/IEC, ASTM, AATCC, CFR) hoặc các tiêu chuẩn, quy chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở tùy thuộc yêu cầu của khách hàng đăng ký chứng nhận.

1.4.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã chứng nhận, Giám định, Chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May thông báo cho khách hàng các chuẩn mực chứng nhận mới.

1.4.3. Hoạt động chứng nhận sản phẩm của Giám định, Chứng nhận sản phẩm thuộc Viện Nghiên cứu Dệt May phù hợp với các quy định có hiệu lực về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy của Việt Nam.

### **1.5. Nguyên tắc hoạt động của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm**

Đảm bảo sự nhất quán, khách quan, công bằng, công khai trong các hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm, bảo mật các thông tin của khách hàng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

## **PHẦN II – CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN**

### **2.1. Tiếp xúc ban đầu, đăng ký và xem xét chứng nhận**

a. Khi có nhu cầu đánh giá chứng nhận sản phẩm, khách hàng liên hệ với **Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm theo các địa chỉ ở phần đầu quy định này** để nhận được tư vấn hoặc các thông tin cần thiết, nếu cần có thể bao gồm các tài liệu sau:

- Tài liệu giới thiệu về các hệ thống đánh giá chứng nhận của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm.
- Quy định chung về dịch vụ chứng nhận sản phẩm (CN-QĐ01)
- Bản đăng ký chứng nhận sản phẩm (CN-BM-TT05-01/01 hoặc CN-BM-TT05-01/02).

b. Khách hàng đăng ký chứng nhận cần phải hoàn chỉnh bản đăng ký (CN-BM-TT05-01/01 hoặc CN-BM-TT05-01/02) và gửi cho Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm theo các địa chỉ ở phần đầu quy định kèm theo các tài liệu sau:

- Thông tin chung về Tổ chức đăng ký chứng nhận.
- Thông tin về sản phẩm/lô sản phẩm đăng ký chứng nhận.
- Tiêu chuẩn chứng nhận hoặc các yêu cầu chứng nhận cụ thể khác.
- Thông tin về việc đã triển khai và xây dựng hệ thống quản lý/ đảm bảo chất lượng (nếu phương thức chứng nhận yêu cầu)
- Các tài liệu khác theo yêu cầu riêng của từng sản phẩm đăng ký chứng nhận và phương thức đánh giá.

c. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ xem xét sự đầy đủ và phù hợp của hồ sơ và có thể đề nghị khách hàng bổ sung hồ sơ khi chưa đáp ứng đầy đủ các quy định.

### **2.2. Chuẩn bị đánh giá**

a. Trên cơ sở xem xét hồ đăng ký, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ tiến hành lập kế hoạch đánh giá chứng nhận và chọn lựa/phân công chuyên gia đánh giá/đánh giá viên

b. Khách hàng được thông báo để thống nhất về kế hoạch, thành phần đoàn chuyên gia đánh giá. Trường hợp có yêu cầu thay đổi chuyên gia, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ xem xét và quyết định thay đổi nếu thấy sự tham gia của chuyên gia đánh giá có thể làm ảnh hưởng tới tính độc lập và khách quan của kết quả đánh giá.

### **2.3. Đánh giá chứng nhận sản phẩm**

a. Quá trình đánh giá chứng nhận sản phẩm được tiến hành theo phương thức 5 hoặc 7 tùy thuộc vào yêu cầu của bên xin chứng nhận. Việc đánh giá sẽ thực hiện theo các quy định trong tiêu chuẩn/quy chuẩn, thủ tục chứng nhận sản phẩm CN-TT05 và các hướng dẫn liên quan của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm.

b. Quá trình lấy mẫu, số lượng mẫu cần lấy được thực hiện theo qui định cụ thể của tiêu chuẩn/quy chuẩn tương ứng, được thể hiện trong các Hướng dẫn riêng đối với từng sản phẩm và phương thức đánh giá tương ứng.

c. Việc thử nghiệm mẫu được tiến hành tại phòng thử nghiệm của Viện Dệt May hoặc phòng thử nghiệm khác được Trung tâm xem xét, đánh giá, chấp nhận, bao gồm:

- Các phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 bởi tổ chức công nhận của Việt Nam hoặc quốc tế được thừa nhận cho các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động chứng nhận.

- Các phòng thử nghiệm được Bộ quản lý chuyên ngành thừa nhận hoặc chỉ định liên quan tới một quy chuẩn cụ thể.

**Đánh giá theo phương thức 5:** Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.

*Trình tự thực hiện các hoạt động chính trong phương thức 5:*

- Lấy mẫu .
- Thử nghiệm.
- Đánh giá báo cáo thử nghiệm.
- Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất.
- Ra quyết định.
- Cho phép sử dụng chứng chỉ và biểu tượng chứng nhận.
- Đánh giá giám sát quá trình sản xuất và hệ thống đảm bảo chất lượng tại nhà máy.
- Đánh giá giám sát sản phẩm trên thị trường.

**Đánh giá theo phương thức 7:** thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá lô sản phẩm, hàng hoá

Kết luận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho lô sản phẩm, hàng hoá cụ thể và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

*Trình tự thực hiện các hoạt động chính trong phương thức 7:*

- Xem xét sự phù hợp hồ sơ đăng ký.
- Lấy mẫu.
- Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm.
- Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp.
- Kết luận về sự phù hợp

#### **2.4. Thực hiện hành động khắc phục**

a. Khách hàng phải thực hiện hành động khắc phục với các điểm không phù hợp trong báo cáo và gửi báo cáo khắc phục kèm theo các bằng chứng cho Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm trong vòng 60 ngày. Nếu khách hàng không thực hiện hành động khắc phục được chấp nhận trong thời gian trên thì toàn bộ kết quả đánh giá chứng nhận sẽ bị huỷ bỏ.

b. Căn cứ vào kết quả xem xét hồ sơ về hành động khắc phục, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm có thể yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc thực hiện thêm các hành động cần thiết khác. Đối với các điểm không phù hợp nghiêm trọng, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm có thể yêu cầu đánh giá lại các vấn đề liên quan đến lỗi nghiêm trọng tại cơ sở của khách hàng (*với phương thức 5*).

#### **2.5. Thẩm xét và quyết định cấp chứng nhận**

a. Hồ sơ chứng nhận sau khi thẩm xét đạt yêu cầu theo quy định sẽ được chuyển đến cấp có thẩm quyền thẩm xét và ký quyết định cấp giấy chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn theo phương thức chứng nhận tương ứng.

b. Hiệu lực chứng nhận

- Đối với phương thức đánh giá 5: Chứng nhận có hiệu lực trong 03 năm tính từ ngày quyết định cấp chứng nhận hoặc theo quy định cụ thể của quy chuẩn liên quan.
- Đối với phương thức đánh giá 7: Chứng nhận chỉ có hiệu lực cho lô sản phẩm, hàng hóa đã được lấy mẫu thử nghiệm.

## **2.5. Thẩm xét và quyết định cấp chứng nhận**

c. Hồ sơ chứng nhận sau khi thẩm xét đạt yêu cầu theo quy định sẽ được chuyển đến cấp có thẩm quyền thẩm xét và ký quyết định cấp giấy chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn theo phương thức chứng nhận tương ứng.

d. Hiệu lực chứng nhận

- Đối với phương thức đánh giá 5: Chứng nhận có hiệu lực trong 03 năm tính từ ngày quyết định cấp chứng nhận hoặc theo quy định cụ thể của quy chuẩn liên quan.

- Đối với phương thức đánh giá 7: Chứng nhận chỉ có hiệu lực cho lô sản phẩm, hàng hóa đã được lấy mẫu thử nghiệm.

e. Mẫu dấu chứng nhận và giấy chứng nhận cấp cho khách hàng theo quy định của Trung tâm.

f. Khách hàng được chứng nhận cam kết sử dụng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy theo đúng quy định và thỏa thuận về điều kiện sử dụng đã được hai bên thống nhất và ký kết.

g. Giấy chứng nhận và dấu chứng nhận phù hợp không thay thế trách nhiệm và nghĩa vụ về chất lượng của doanh nghiệp đối với sản phẩm được chứng nhận.

h. VTRI-PICC thường xuyên cập nhật các thông tin về doanh nghiệp và sản phẩm được chứng nhận hợp quy trên trang web của Viện Dệt May theo quy định của Bộ ngành quản lý NN.

## **PHẦN III - GIÁM SÁT VÀ CHỨNG NHẬN LẠI**

*(Chỉ cho phương thức 5)*

### **3.1. Duy trì việc chứng nhận và đánh giá giám sát**

a. Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ.

b. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ tiến hành giám sát theo định kỳ 6 tháng đến 1 năm một lần hoặc đột xuất (nếu cần), hoặc tiến hành đánh giá giám sát theo quy định tại các văn bản hướng dẫn (nếu có) trong trường hợp chứng nhận hợp quy.

c. Nội dung cụ thể của từng lần đánh giá giám sát sẽ được Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm thông báo cho khách hàng được chứng nhận qua kế hoạch đánh giá giám sát.

d. Việc lấy mẫu thử nghiệm cho đánh giá giám sát được thực hiện tương tự đánh giá chứng nhận ban đầu.

### **3.2. Đánh giá chứng nhận lại**

a. 3 tháng trước khi hết hạn hiệu lực giấy chứng nhận, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ thông báo cho khách hàng biết và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận nếu có yêu cầu gia hạn hiệu lực chứng nhận.

b. Việc đánh giá lại sẽ được tiến hành theo các bước như đối với đánh giá lần đầu. Chứng chỉ cấp lại có giá trị 03 năm tiếp theo.

## **PHẦN IV - MỞ RỘNG, THU HẸP PHẠM VI CHỨNG NHẬN**

*(Chỉ cho phương thức 5)*

### **4.1. Mở rộng phạm vi chứng nhận**

a. Phạm vi chứng nhận được xác định bởi loại sản phẩm được chứng nhận.

b. Sau khi được chứng nhận, khách hàng có thể yêu cầu mở rộng phạm vi chứng nhận sản phẩm vào bất cứ thời gian nào cho các loại sản phẩm theo cùng một tiêu chuẩn/quy chuẩn ghi trên giấy chứng nhận.

c. Quá trình đánh giá mở rộng phạm vi chứng nhận có thể được thực hiện trong các cuộc đánh giá giám sát, đánh giá chứng nhận lại hoặc một cuộc đánh giá độc lập theo yêu cầu của tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận.

#### **4.2. Thu hẹp phạm vi chứng nhận**

Phạm vi chứng nhận có thể bị thu hẹp nếu kết quả đánh giá cho thấy khách hàng được chứng nhận không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chứng nhận đối với phạm vi đã đăng ký hoặc đã được chứng nhận.

### **PHẦN V - ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ HIỆU LỰC CHỨNG NHẬN**

#### **5.1. Đình chỉ chứng nhận**

a. Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn đã cấp cho khách hàng sẽ bị xem xét đình chỉ hiệu lực trong thời gian tối đa là 06 tháng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có khiếu nại kèm theo bằng chứng cho thấy khách hàng không duy trì sự phù hợp của sản phẩm chứng nhận với các yêu cầu chứng nhận.
- Khách hàng sử dụng chứng chỉ hoặc biểu tượng được chứng nhận không đúng quy định.
- Không bố trí đánh giá giám sát định kỳ như đã thỏa thuận.
- Không thực hiện các yêu cầu về hành động khắc phục được chấp nhận theo đúng thời gian quy định.
- Không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận.
- Các trường hợp khác như có những hành vi làm ảnh hưởng xấu tới hoạt động chứng nhận... sẽ do VTRI-PICC xem xét, quyết định.
- Khách hàng có đề nghị bằng văn bản tạm đình chỉ hiệu lực chứng nhận đối với sản phẩm.

b. Khách hàng cần thực hiện các kiến nghị trong thời gian hiệu lực của quyết định đình chỉ và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi đến VTRI-IC để quyết định về việc tiếp tục hiệu lực sử dụng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận đã cấp.

#### **5.2 Thu hồi và hủy bỏ chứng nhận**

a. Chứng chỉ và hiệu lực chứng nhận sản phẩm đã cấp cho khách hàng sẽ bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

- Khách hàng được chứng nhận không khắc phục các lỗi bị đình chỉ chứng nhận trong vòng 6 tháng.
- Khách hàng không tuân thủ các yêu cầu và điều kiện chứng nhận sản phẩm theo quy định này.
- Khách hàng ngừng sản xuất sản phẩm được chứng nhận quá 6 tháng.
- Khách hàng có đề nghị bằng văn bản không tiếp tục duy trì việc chứng nhận đối với sản phẩm.

b. Khi giấy chứng nhận không còn hiệu lực hay bị đình chỉ, hủy bỏ, khách hàng phải:

- Ngừng sử dụng dấu chứng nhận trên tất cả sản phẩm hay bao bì được sản xuất kể từ ngày quyết định có hiệu lực.
- Ngừng sử dụng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận trong mọi hoạt động quảng cáo cho sản phẩm.
- Thực hiện các biện pháp cần thiết để loại bỏ dấu chứng nhận trên sản phẩm/bao bì của các sản phẩm được sản xuất và đưa ra thị trường sau ngày quyết định đình chỉ/hủy bỏ có hiệu lực.

c. Hoàn trả cho Trung tâm giấy chứng nhận khi có quyết định hủy bỏ.

d. Nếu khách hàng có nhu cầu được chứng nhận lại thì cuộc đánh giá được thực hiện ít nhất sau 1 năm kể từ ngày quyết định hủy bỏ chứng nhận.

**5.3. Việc đình chỉ và thu hồi chứng nhận sẽ được Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm thông báo trên website: <http://viendetmay.org.vn> và thông báo cho các tổ chức/ cá nhân có liên quan bằng văn bản.**

## **PHẦN VI – KHIẾU NẠI**

- a. Khách hàng có quyền gửi khiếu nại về bất kỳ quyết định nào của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm trong thời hạn 2 tuần kể từ khi có thông báo quyết định.
- b. Trong thời hạn 2 tuần kể từ khi nhận được khiếu nại, Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm sẽ xem xét, xử lý và thông báo đến khách hàng.

## **PHẦN VI - CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT**

### **6.1. Cung cấp thông tin**

- a. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm được quyền duy trì danh sách các khách hàng được chứng nhận kèm theo phạm vi, sản phẩm được chứng nhận. Danh sách này chỉ được cung cấp cho các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản.
- b. Thông tin về việc cấp chứng chỉ cho khách hàng, cấp lại hoặc hủy bỏ có thể được Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm thông báo rộng rãi trên website: <http://viendetmay.org.vn>.

### **6.2. Bảo mật**

Mọi thông tin khác liên quan đến khách hàng được chứng nhận được Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm cam kết bảo mật.

## **PHẦN VII - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **7.1. Trách nhiệm của khách hàng được chứng nhận**

- a. Cung cấp các thông tin liên quan đến sản phẩm, hàng hóa được yêu cầu đánh giá sự phù hợp; Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến đối tượng yêu cầu đánh giá sự phù hợp nếu cần và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu đó.
- b. Tuân thủ các yêu cầu và điều kiện chứng nhận phù hợp theo quy định này.
- c. Tạo điều kiện để chuyên gia đánh giá của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm để hoàn thiện quá trình đánh giá.
- d. Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá;
- e. Thực hiện các yêu cầu về khắc phục sai lỗi và hoặc hành động khắc phục nhằm ngăn ngừa sai lỗi tái diễn trong thời gian quy định.
- f. Sử dụng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm theo đúng quy định của Trung tâm và cam kết đã ký và phải đảm bảo các điều kiện:
  - Không sử dụng theo cách thức có thể làm mất uy tín của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm và không được có bất kỳ công bố nào liên quan đến sản phẩm được chứng nhận gây lừa dối người tiêu dùng.
  - Không sử dụng giấy và dấu chứng nhận theo cách có thể gây nhầm lẫn.
  - Không chuyển nhượng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận cho một cơ sở hay một pháp nhân khác.
  - Không sử dụng ngoài phạm vi được cấp chứng nhận.
- g. Không sử dụng dấu chứng nhận trên các sản phẩm trong các trường hợp sau:
  - Sản phẩm không được chứng nhận hoặc nằm ngoài phạm vi chứng nhận.

- Các sản phẩm không phù hợp.
- Các sản phẩm hết hiệu lực hoặc bị đình chỉ hiệu lực chứng nhận.
- h. Thực hiện đầy đủ các quy định Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/qui chuẩn của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm;
- i. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm;
- j. Thông báo bằng văn bản đến Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm khi có các thay đổi sau:
  - Quá trình sản xuất đối với sản phẩm.
  - Nguyên liệu chính dùng để sản xuất sản phẩm.
  - Thiết kế của sản phẩm.
  - Tên, địa chỉ của tổ chức/cơ sở sản xuất.
  - Đại diện lãnh đạo/người phụ trách chất lượng của tổ chức/cơ sở sản xuất.
  - Các thay đổi ảnh hưởng đến sự phù hợp của sản phẩm đối với tiêu chuẩn/qui chuẩn áp dụng.
- k. Thanh toán chi phí chứng nhận và giám sát theo quy định.
- l. Giải quyết các khuyến nghị đúng thời hạn khi bị đình chỉ chứng nhận

### **7.2. Quyền lợi của khách hàng được chứng nhận**

- a. Quảng cáo các sản phẩm đã được chứng nhận trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- b. Sử dụng dấu chứng nhận trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, tài liệu giới thiệu sản phẩm.
- c. Sử dụng giấy chứng nhận làm bằng chứng cho hồ sơ kỹ thuật, đấu thầu...
- d. Sử dụng kết quả chứng nhận sản phẩm để công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn/qui chuẩn theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý.
- e. Có quyền phản ánh/ khiếu nại về kết quả chứng nhận sự phù hợp đã nhận. Khách hàng không phải thanh toán phí kiểm tra/ giám định lại nếu việc khiếu nại được xác nhận là đúng;
- f. Có quyền rút lại yêu cầu chứng nhận sản phẩm bằng cách gửi văn bản chính thức yêu cầu hủy việc chứng nhận sản phẩm đến Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm trong thời hạn hợp lý với sự chấp nhận của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán chi phí theo khối lượng công việc mà Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm đã thực hiện tính đến thời điểm ngừng việc thực hiện việc đánh giá chứng nhận.

### **7.3. Trách nhiệm của Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm**

- a. Thực hiện các hoạt động chứng nhận phù hợp theo yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17065 và các quy định của pháp luật;
- b. Cấp chứng chỉ chứng nhận sau khi khách hàng xin chứng nhận tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận;
- c. Bảo mật mọi thông tin khác liên quan đến khách hàng khi hoạt động chứng nhận.
- d. Thông báo đến khách hàng khi có sự thay đổi về nội dung của quy định này cũng như các vấn đề có liên quan khác
- e. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm có trách nhiệm giải quyết kịp thời khi nhận được khiếu nại và trao đổi về cách thức xử lý trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau dựa trên cơ sở các bằng chứng tin cậy về kỹ thuật liên quan đến đối tượng được chứng nhận.
- f. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện hồ sơ do khách hàng cung cấp không phù hợp với đối tượng được yêu cầu chứng nhận sự phù hợp.



Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán chi phí theo khối lượng công việc mà Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm đã thực hiện tính đến thời điểm ngừng việc thực hiện chứng nhận sự phù hợp.

g. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm không có trách nhiệm bồi thường cho những sai lỗi gián tiếp hoặc không liên quan đến quá trình chứng nhận, cấp chứng chỉ cho khách hàng.

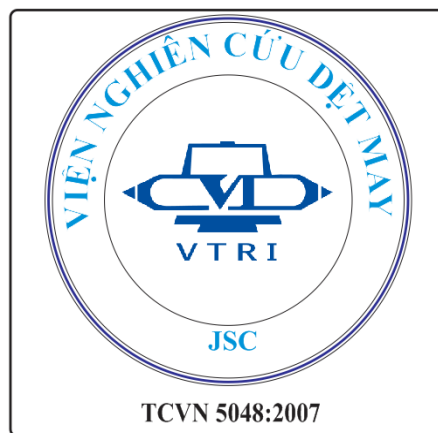
h. Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm giữ quyền từ chối yêu cầu chứng nhận sự phù hợp khi khách hàng không cung cấp đủ thông tin hoặc thông tin không xác thực về đối tượng được đánh giá chứng nhận.

## **PHẦN VIII-CHỨNG CHỈ CHỨNG NHẬN VÀ DẤU CHỨNG NHẬN**

### **8.1 Dấu hợp chuẩn**

*Màu sắc:* màu của hình, chữ và đường viền là màu xanh đậm (Red: 0; Green: 84; Blue: 168) trên nền màu trắng. Trường hợp sử dụng màu đen thì phải đảm bảo sự tương phản giữa màu của dấu và màu nền..

*Hình dạng và kích thước*



Chi tiết kích thước như sau:

- Đường kính hình tròn ngoài: 30 mm;
- Đường kính hình tròn trong: 20 mm;
- Độ dày và đường nét hình tròn và hình thang: 0,1 mm
- Cạnh hình vuông bao ngoài: (4\*4) cm;
- Độ dày nét hình vuông: 0,35 mm

Có thể tăng giảm kích thước nhưng phải đảm bảo về tỉ lệ thích hợp.

*Kiểu chữ in trong dấu hợp chuẩn:*

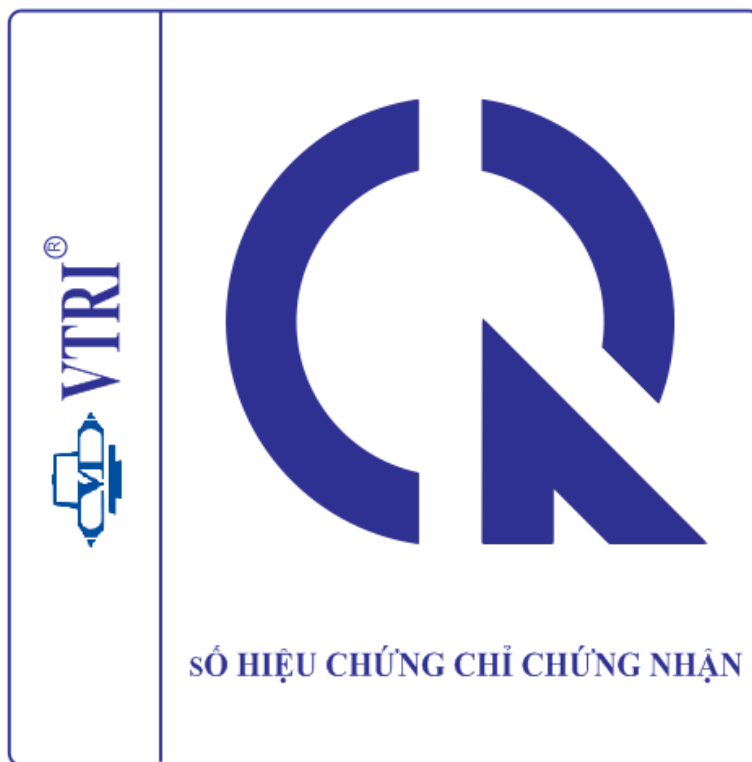
- Font chữ: Times New Roman
- Số hiệu tiêu chuẩn trong ô được in đậm.

### **8.2 Dấu hợp quy (CR)**

*Màu sắc:* màu chuẩn của hình, chữ và đường viền là màu xanh đậm (Red: 0; Green: 84; Blue: 168) trên nền màu trắng. Trường hợp sử dụng màu đen thì phải đảm bảo là màu đen đậm và đảm bảo sự tương phản giữa màu nền và màu của dấu.

*Hình dạng và kích thước:*

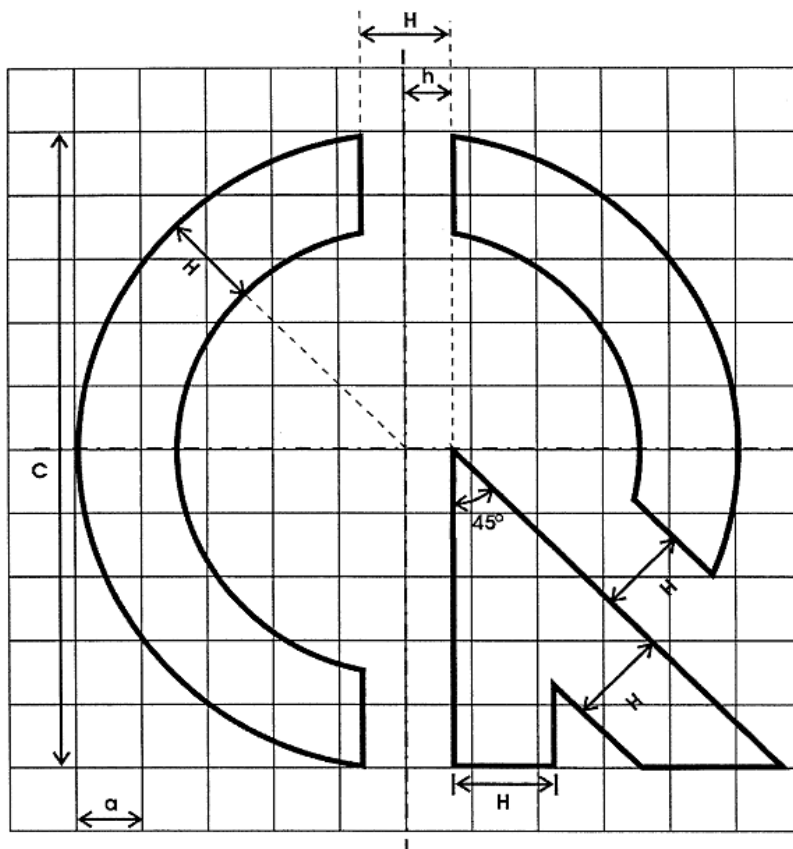
- Hình dạng: VTRI sẽ in mẫu dấu hợp quy thích hợp kèm theo Giấy chứng nhận khi cấp cho Tổ chức được chứng nhận, cụ thể:



Dấu có dạng hình vuông có mỗi cạnh khoảng 17a, trong đó biểu tượng “CR” phải được thiết kế với tỷ lệ như dưới đây.

Dấu hợp quy có thể tăng, giảm kích thước nhưng phải đảm bảo về tỉ lệ thích hợp.

**Hình dạng, kích thước cơ bản của dấu hợp quy “CR”**



Chú thích:  $H = 1,5 a$

$h = 0,5 H$

$C = 7,5 H$

- Chi tiết kích thước như sau: Dấu hợp quy có kích thước cơ bản (25\*25) cm, trong đó chữ “CR” theo quy định tại Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012. Có thể tăng, giảm kích thước nhưng phải đảm bảo về tỉ lệ thích hợp.

*Kiểu chữ in trong dấu hợp quy:*

- Kiểu chữ số hiệu chứng chỉ chứng nhận: là kiểu Times New Roman, in hoa và in đậm.